

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/CV-STP

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà

- Mã chứng khoán: **STP**

- Địa chỉ trụ sở: Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

- Điện thoại: 04. 33521290/33828440 (máy lẻ 115); Fax: 04. 33822791

2. Nội dung thông tin công bố:

2.1. Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 (Công ty mẹ) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 24 tháng 01 năm 2017, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

2.2. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2016 (Công ty mẹ) so với cùng kỳ năm trước.

2.3. Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 (Hợp nhất) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 24 tháng 01 năm 2017, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

2.4. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2016 (Hợp nhất) so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/01/2017 tại đường dẫn: stp.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính quý 4/2016 (CT mẹ)
- Công văn giải trình số 21 CT/TCKT
- Báo cáo tài chính quý 4/2016 (Hợp nhất)
- Công văn giải trình số 22 CT/TCKT



Người được ủy quyền CBTT

(Ký tên, đóng dấu)

Vũ Thúy Quỳnh

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
QUÝ IV NĂM 2016

Hà Nội, năm 2016

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán quý IV năm 2016- tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1-3
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	4
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	5
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	6-36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131,310,017,213	113,971,040,888
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	23,093,127,258	14,772,941,685
1. Tiền	111		3,093,127,258	2,772,941,685
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	12,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		448,922,000	340,844,410
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	592,716,610	425,282,410
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	(143,794,610)	(84,438,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78,568,874,515	78,677,705,680
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	75,004,626,548	65,820,846,556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		477,641,180	42,110,057
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	19,177,872,315	22,243,724,030
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16,091,265,528)	(9,428,974,963)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		28,393,327,833	19,168,223,900
1. Hàng tồn kho	141	V6	28,393,327,833	19,168,223,900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		805,765,607	1,011,325,213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		313,943,870	275,369,840
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		410,600,940	263,735,274
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V7	81,220,797	472,220,099
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V8		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32,632,904,270	46,252,855,767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V9		
II. Tài sản cố định	220	V10	14,674,832,177	20,267,558,059
1. Tài sản cố định hữu hình	221		14,674,832,177	20,267,558,059
- Nguyên giá	222		53,059,449,074	54,661,864,065

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38,384,616,897)	(34,394,306,006)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V11	1,574,000,000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,574,000,000	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V12	15,646,259,612	24,451,144,741
1. Đầu tư vào công ty con	251		29,537,033,203	29,537,033,203
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,321,486,640	10,041,486,640
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17,212,260,231)	(15,127,375,102)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V13	737,812,481	1,534,152,967
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		737,812,481	1,534,152,967
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163,942,921,483	160,223,896,655
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17,845,781,640	19,044,836,317
I. Nợ ngắn hạn	310		17,845,781,640	19,044,836,317
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V14	10,980,544,450	7,113,780,896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,275,645,620	694,546,792
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		551,831,283	30,504,816
4. Phải trả người lao động	314		1,826,543,432	1,680,651,172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V15		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V16	154,694,098	301,877,294
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V17	3,010,149,135	9,110,301,725
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		46,373,622	113,173,622
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V18	146,097,139,843	141,179,060,338
I. Vốn chủ sở hữu	410		146,097,139,843	141,179,060,338
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,457,440,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,457,440,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42,261,553,850	42,261,553,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308,195,830)	(308,195,830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19,337,142,914	29,794,582,914
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4,349,198,909	(568,880,596)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(568,880,596)	(568,880,596)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,918,079,505	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		163,942,921,483	160,223,896,655

Lập biểu

[Signature]

Kế toán trưởng

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Hồng Minh

Hà Nội ngày 24 tháng 01 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Yên nghĩa - Hà Đông - Hà Nội

Tel: Fax:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	55,924,393,346	82,889,316,425	272,495,630,470	244,433,780,541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,735,000	96,629,725	83,633,600	708,768,445
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		55,912,658,346	82,792,686,700	272,411,996,870	243,725,012,096
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	47,973,539,914	70,614,566,084	238,202,801,256	213,234,243,394
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		7,939,118,432	12,178,120,616	34,209,195,614	30,490,768,702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	2,305,194,463	143,490,898	2,667,460,239	954,145,113
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	3,304,118,846	2,132,201,123	6,460,546,075	4,228,414,571
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25,550,881	115,021,995	143,486,379	436,768,377
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	1,228,423,258	4,004,960,555	5,294,380,255	6,945,595,555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	7,777,639,091	2,130,358,778	18,792,230,431	13,027,189,523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(2,065,868,300)	4,054,091,058	6,329,499,092	7,243,714,166
12. Thu nhập khác	31	V1.7	39,185,300	204,995,580	604,183,180	1,038,200,526
13. Chi phí khác	32	V1.8	36,000,000	24,000,001	464,762,142	1,135,863,134
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		3,185,300	180,995,579	139,421,038	(97,662,608)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(2,062,683,000)	4,235,086,637	6,468,920,130	7,146,051,558
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(425,614,347)	1,261,507,241	1,550,840,625	1,261,507,241
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(1,637,068,653)	2,973,579,396	4,918,079,505	5,884,544,317
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập biểu

Kế toán trưởng

Chung

Nguyễn Hồng Minh
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hà Nội ngày 24 tháng 12 năm 2017

Nguyễn Trọng Đài
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Lũy kế từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		295,956,418,865	244,374,230,146
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(250,175,744,689)	(225,963,368,589)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20,462,113,161)	(13,955,483,852)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(143,486,379)	(435,508,768)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(500,000,000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9,925,714,850	10,671,116,015
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26,689,432,803)	(20,457,487,175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,911,356,683	(5,766,502,223)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,180,065,013)	(12,142,891,938)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		541,529,703	(30,000,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4,820,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		367,807,426	640,766,334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,549,272,116	(11,592,125,604)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(270,844,410)
3. Tiền thu từ đi vay	33		71,793,661,467	77,314,744,095
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74,934,104,693)	(74,986,625,418)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,140,443,226)	2,057,274,267
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8,320,185,573	(15,301,353,560)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14,772,941,685	30,074,295,245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23,093,127,258	14,772,941,685

Lập biểu

[Signature]

Kế toán trưởng

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Minh

Hà Nội ngày 24 tháng 12 năm 2017

Tổng Giám đốc



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa; Kinh doanh vật vư, vận tải,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Xóm Bằng Gà, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	75,36%	75,36%	75,36%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính của kỳ này so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 201 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 189 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ này

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính kỳ này

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vỏ bao sản xuất. Do đó giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kỳ này: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kỳ này.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	125,188,073	58,533,347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,967,939,185	2,714,408,338
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000	12,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	20,000,000,000	12,000,000,000
Cộng	23,093,127,258	14,772,941,685

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty CP Licogi 16 (Mã: LCG)	592,716,610	448,922,000	(143,794,610)	425,282,410	340,844,410	(84,438,000)
Công ty Cpcung ứng và DV kỹ thuật hàng hải (Mã:MAC)	154,438,000	39,700,000	(114,738,000)	154,438,000	70,000,000	(84,438,000)
	438,278,610	409,222,000	(29,056,610)	270,844,410	270,844,410	
Cộng	592,716,610	448,922,000	(143,794,610)	425,282,410	340,844,410	(84,438,000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	(102,438,000)	(74,438,000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(41,356,610)	(10,000,000)
Tăng do chuyển từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(143,794,610)	(84,438,000)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng ⁽¹⁾	29,537,033,203	(14,437,260,231)	29,537,033,203	(10,352,375,102)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	3,321,486,640	(2,775,000,000)	10,041,486,640	(4,775,000,000)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội	2,775,000,000	(2,775,000,000)	2,775,000,000	(2,775,000,000)
			2,000,000,000	(2,000,000,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Lộc Ninh	546,486,640	5,266,486,640
Cộng	32,858,519,843 (17,212,260,231)	39,578,519,843 (15,127,375,102)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400273378 ngày 11 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 6 năm 2016), Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 28,200,000,000 đồng, tương đương 75% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà, Công ty sẽ đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 29,537,033,203 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã đầu tư 29,537,033,203 đồng, tương đương 75,40% vốn điều lệ thực góp của Công ty con.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Ngày 27 tháng 11 năm 2013 HĐQT Công ty đã ban hành nghị quyết số 480/NQ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 01/12/2013 đến 31/3/2014 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 06 tháng 12 năm 2013 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ 07/12/2013 đến 07/12/2014.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014 HĐQT Công ty ban hành nghị quyết số 475/NĐ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 8/12/2014 đến ngày 08/12/2015 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ ngày 12/12/2014 đến ngày 8/12/2015.

Thực hiện nghị quyết số 399/ NQ-HĐQT Ngày 20 tháng 7 năm 2015 của HĐQT Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà về việc đăng ký hoạt động trở lại đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (Công ty con). Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng đã đăng ký hoạt động trở lại từ 29 tháng 7 năm 2015.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	(18,016,726,115)	(13,370,433,420)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1,195,534,116)	(1,756,941,682)
Hoàn nhập dự phòng	2,000,000,000	
Số cuối kỳ	(17,212,260,231)	(15,127,375,102)

Giao dịch với các công ty con

Trong kỳ và cùng kỳ năm trước Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty con là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (gọi tắt là Sơn Tùng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	29,530,924,527	32,244,283,681
Công ty CP vật liệu xây dựng Hà Nội HP	29,530,924,527	32,244,283,681
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	45,473,702,021	33,576,562,875
Công ty TNHH Dương Hồng	10,348,581,129	10,788,581,129
Các khách hàng khác	35,125,120,892	22,787,981,746
Cộng	75,004,626,548	65,820,846,556

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty CP SADICO Cần Thơ	407,000,000	
Các khách hàng khác	70,641,180	42,110,057
Cộng	477,641,180	42,110,057

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2,097,435,144	(599,974,963)	2,097,435,144	(599,974,963)
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	2,097,435,144	(599,974,963)	2,097,435,144	(599,974,963)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	17,080,437,171	(10,317,000,000)	20,146,288,886	(8,829,000,000)
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	14,790,000,000	(10,215,000,000)	18,090,000,000	(8,727,000,000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2,290,437,171	(102,000,000)	2,056,288,886	(102,000,000)
Cộng	19,177,872,315	(10,916,974,963)	22,243,724,030	(9,428,974,963)

(*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (bên B) về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Theo dự án trên Bên B góp 80% vốn. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì toàn bộ số tiền bên B đã góp để bên A triển khai dự án được chuyển thành công nợ bên A phải thanh toán trả bên B do dự án không thực hiện được theo tiến độ đã thỏa thuận. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, bên A còn nợ bên B số tiền là 14,790,000.000 đồng.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan				
Phải thu tiền cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng vay	2,097,435,144	1,497,460,181	2,097,435,144	1,497,460,181
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu Công ty TNHH Dương Hồng	10,348,581,129	5,174,290,564		
Phải thu tiền góp vốn Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	14,790,000,000	4,575,000,000	18,090,000,000	9,363,000,000
Phải thu tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh vay	102,000,000		102,000,000	
Cộng	27,338,016,273	11,246,750,745	20,289,435,144	10,860,460,181

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	(11,888,974,963)	(9,978,974,963)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5,174,290,565)	
Hoàn nhập dự phòng	972,000,000	550,000,000
Số cuối kỳ	(16,091,265,528)	(9,428,974,963)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			227,394,482	
Nguyên liệu, vật liệu	13,670,995,893		12,768,662,206	
Công cụ, dụng cụ				

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8,953,881,765	4,764,401,856
Thành phẩm	5,768,450,175	1,407,765,356
Cộng	28,393,327,833	19,168,223,900

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	-	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển	30,735,721	12,296,232
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	283,208,149	263,073,608
Cộng	313,943,870	275,369,840

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	169,158,952	514,162,856
Chi phí sửa chữa tài sản	502,934,315	940,889,690
Các chi phí trả trước dài hạn khác	65,719,214	79,100,421
Cộng	737,812,481	1,534,152,967

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8,587,518,537	43,839,883,722	1,982,759,307	251,702,499	54,661,864,065
Tăng trong kỳ					-
Giảm trong kỳ		(1,602,414,991)			(1,602,414,991)
Số cuối kỳ	8,587,518,537	42,237,468,731	1,982,759,307	251,702,499	53,059,449,074
Trong đó:					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5,829,130,677	19,780,672,498	607,704,762	122,263,636	26,339,771,573
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn	185,074,932	3,504,337,279	275,010,912	25,887,768	3,990,310,891
Số đầu năm	6,799,797,780	26,371,671,284	1,066,056,282	156,780,660	34,394,306,006
Tăng do khấu hao trong kỳ	185,074,932	4,285,383,791	275,010,912	25,887,768	4,771,357,403
Giảm do giảm TSCĐ trong kỳ		(781,046,512)			(781,046,512)
Số cuối kỳ	6,984,872,712	29,876,008,563	1,341,067,194	182,668,428	38,384,616,897
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,787,720,757	17,468,212,438	916,703,025	94,921,839	20,267,558,059
Số cuối kỳ	1,602,645,825	12,361,460,168	641,692,113	69,034,071	14,674,832,177

Một số tài sản cố định hữu hình gắn liền gắn liền trên diện tích 9,548.9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng có giá trị còn lại theo sổ sách đến 31 tháng 12 năm 2016 là 1,602,645,825 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Đầu tư mua sắm MMTB		1,574,000,000			1,574,000,000
Xây dựng cơ bản					-
Sửa chữa lớn TSCĐ					-
Cộng	-	1,574,000,000	-	-	1,574,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Công ty CP đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	10,980,544,450	7,113,780,896
Công ty CP TM & DV Lâm Anh	7,425,638,708	1,545,333,598
Các nhà cung cấp khác	3,554,905,742	5,568,447,298
Cộng	10,980,544,450	7,113,780,896

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1,275,645,620	694,546,792
Thunderdragon Foods and Agricultural products Imports & Exports Corporation(NIKO)		244,022,291
DSG Holdings Australia Pty L.td		332,342,616
North (Đan Mạch)	1,240,011,420	
Các khách hàng khác	35,634,200	118,181,885
Cộng	1,275,645,620	694,546,792

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		
	Phải nộp NS	Phải thu NS	Số phải nộp NS	Số đã nộp NS	Tăng (+), Giảm (-) khác ^(*)	Phải nộp NS	Phải thu NS
Thuế GTGT hàng bán nội địa			2,895,950,430	(2,895,950,430)		-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			9,541,910,393	(9,541,910,393)		-	
Thuế xuất, nhập khẩu			230,587,518	(230,587,518)		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		472,220,099	1,310,089,337	(526,789,243)	240,751,288	551,831,283	
Thuế thu nhập cá nhân	30,504,816		73,797,775	(62,215,893)	(123,307,495)		81,220,797
Tiền thuê đất			332,841,000	(332,841,000)		-	
Các loại thuế khác			18,641,098	(18,641,098)		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			32,620,312	(32,620,312)		-	
Cộng	30,504,816	472,220,099	14,436,437,863	(13,641,555,887)	117,443,793	551,831,283	81,220,797

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**(*) Trong đó:**

Tăng 240,751,288 đồng là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp tăng

Giảm 123,307,495 đồng là khoản thuế thu nhập cá nhân của các năm trước đã tạm nộp quá số quyết toán

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,062,683,000)	4,235,086,637
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	68,116,416	55,994,325
Thù lao thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	52,000,000	36,000,000
Chi phí xử lý vi phạm về thuế		
Chi phí phạt vi phạm hành chính		-
Chi phí khai thác mỏ đá		-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối kỳ	16,116,416	19,994,325
Chi phí tiền lương năm 2015 chưa chi hết đến thời điểm quyết toán thuế năm 2015		
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ		
Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất		
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tiền phạt thuế được miễn		
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu, phải trả và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối năm trước		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ		
Thu nhập chịu thuế	(1,994,566,584)	4,291,080,962

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Thu nhập được miễn thuế

Lỗi các năm trước được chuyển

Thu nhập tính thuế

(1,994,566,584)

4,291,080,962

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

20%

22%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông

944,037,812

Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp**

-

944,037,812

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước

(425,614,347)

317,469,429

Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp

(425,614,347)

1,261,507,241

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính kỳ này có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	154,694,098	301,877,294
Cổ tức phải trả cổ đông chưa lưu ký		48,203,555
Kinh phí công đoàn	49,552,139	63,901,016
BHXH, BHYT, BHTN		142,611,265
Phải trả phải nộp khác	105,141,959	47,161,458
Cộng	154,694,098	301,877,294

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

- (i) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 35/2016/HĐTDHM/NHCT320-STP ngày 22 tháng 06 năm 2016 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

vay là 30,000,000,000 đồng. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo là thế chấp các tài sản sau:

Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền trên diện tích 9,548.9 m² đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng của Công ty được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CN HTY-STP ngày 21/01/2016 và các biên bản định giá tài sản đảm bảo kèm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị định giá : 1,837,000,000 đồng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Số đầu kỳ	3,463,383,000	7,275,457,354
Số tiền vay phát sinh	16,238,009,728	23,689,128,847
Tăng do chênh lệch tỷ giá thực hiện		8,035,886
Số tiền vay đã trả	(16,688,126,976)	(21,812,457,867)
Giảm do chênh lệch tỷ giá thực hiện	(3,116,617)	(49,862,495)
Số cuối kỳ	3,010,149,135	9,110,301,725

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	113,173,622	(66,800,000)	46,373,622
Quỹ phúc lợi	-		-
Cộng	113,173,622	(66,800,000)	46,373,622

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	54,102,373,080	(12,149,015,060)	29,794,582,914	(6,453,424,913)	135,294,516,021
Tái phát hành cổ phiếu quỹ thưởng cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần		(11,840,819,230)	11,840,819,230			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ trước					5,884,544,317	5,884,544,317
Số dư cuối cùng kỳ năm trước	70,000,000,000	42,261,553,850	(308,195,830)	29,794,582,914	(568,880,596)	141,179,060,338
Số dư đầu năm nay	70,000,000,000	42,261,553,850	(308,195,830)	29,794,582,914	(568,880,596)	141,179,060,338
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu bằng nguồn quỹ ĐTPT	10,457,440,000			(10,457,440,000)		
Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ này					4,918,079,505	4,918,079,505
Số dư cuối kỳ	80,457,440,000	42,261,553,850	(308,195,830)	19,337,142,914	4,349,198,909	146,097,139,843

17b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80,457,440,000	70,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	42,261,553,850	42,261,553,850
Cổ phiếu quỹ	(308,195,830)	(308,195,830)
Cộng	122,410,798,020	111,953,358,020

1c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8,045,744	7,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,045,744	7,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23,681	23,681
- Cổ phiếu phổ thông	23,681	23,681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,022,063	6,976,319
- Cổ phiếu phổ thông	8,022,063	6,976,319
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**
Là ngoại tệ Dollar Mỹ (USD)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	224.06	1,644.73

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>10,943,716,684</i>	<i>36,247,281,012</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>44,980,676,662</i>	<i>46,642,035,413</i>
Cộng	<u>55,924,393,346</u>	<u>82,889,316,425</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ cho công ty con và cho các bên liên quan không phải là Công ty con

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Chiết khấu thương mại		73,784,727
Giảm giá hàng bán	11,735,000	22,844,998
Cộng	<u>11,735,000</u>	<u>96,629,725</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	10,674,678,674	24,256,253,052
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	37,298,861,240	46,358,313,032
Cộng	<u>47,973,539,914</u>	<u>70,614,566,084</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Lãi tiền gửi	244,715,790	49,515,204
Lãi về kinh doanh chứng khoán		93,975,694
Lãi chênh lệch tỷ giá	60,478,673	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư khác	2,000,000,000	
Cộng	<u>2,305,194,463</u>	<u>143,490,898</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Chi phí lãi vay	25,550,881	115,021,995
Chi phí, Lỗ về kinh doanh chứng khoán	56,402	3,744
Lỗ đầu tư dài hạn khác	1,900,000,000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	141,620,837	250,233,702
Dự phòng đầu tư dài hạn	1,195,534,116	1,756,941,682
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	41,356,610	10,000,000
Cộng	<u><u>3,304,118,846</u></u>	<u><u>2,132,201,123</u></u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Chi phí nhân viên	60,000,000	20,000,000
Chi phí vận chuyển, dịch vụ và bằng tiền khác	1,168,423,258	3,984,960,555
Cộng	<u><u>1,228,423,258</u></u>	<u><u>4,004,960,555</u></u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2,046,489,280	1,586,174,357
Chi phí vật liệu quản lý	118,858,780	65,203,808
Chi phí đồ dùng văn phòng	26,961,542	24,157,792
Chi phí khấu hao TSCĐ	88,911,069	90,363,096
Thuế, phí và lệ phí	335,225,371	605,812,059
Chi phí dự phòng	4,202,290,565	(550,000,000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	512,726,047	88,393,043
Chi phí bằng tiền khác	446,176,437	220,254,623
Cộng	<u><u>7,777,639,091</u></u>	<u><u>2,130,358,778</u></u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm 2016</u>	<u>Quý 4 năm 2015</u>
Thu bán phế liệu, thanh lý tài sản cố định		72,222,727
Tiền hoàn thuế XNK		
Thu nhập khác	39,185,300	132,772,853
Cộng	<u><u>39,185,300</u></u>	<u><u>204,995,580</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	36,000,000	24,000,000
Chi khác		1
Cộng	36,000,000	24,000,001

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Tiền lương	344,281,012	345,710,260
Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	48,000,000	57,000,000
Cộng	392,281,012	402,710,260

1b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	Công ty do Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

Giao dịch phát sinh phải trả

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội		
Tiền cước vận chuyển	153,700,400	
Thuế GTGT	15,370,040	
Thanh toán tiền hàng	35,981,000	

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh kỳ này của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Quý 4 năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44,968,941,662	10,943,716,684	55,912,658,346
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44,968,941,662	10,943,716,684	55,912,658,346
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			7,939,118,432
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9,006,062,349)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1,066,943,917)
Doanh thu hoạt động tài chính			2,305,194,463
Chi phí tài chính			(3,304,118,846)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Thu nhập khác			39,185,300
Chi phí khác			(36,000,000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			425,614,347
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(1,637,068,653)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1,598,444,545
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			1,318,843,539
Quý 4 năm 2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	46,619,190,415	36,173,496,285	82,792,686,700
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46,619,190,415	36,173,496,285	82,792,686,700
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			12,178,120,616
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6,135,319,333)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6,042,801,283
Doanh thu hoạt động tài chính			143,490,898
Chi phí tài chính			(2,132,201,123)
Thu nhập khác			204,995,580
Chi phí khác			(24,000,001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1,261,507,241)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2,973,579,396
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			162,659,585
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			1,562,696,709

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	77,906,960,168	43,061,819,166	120,968,779,334
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9,723,299,486	2,365,661,051	12,088,960,537
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			30,885,181,612
Tổng tài sản			163,942,921,483
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			10,980,544,450
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			6,865,237,190
Tổng nợ phải trả			17,845,781,640
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	93,851,593,189	13,597,541,129	107,449,134,318
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5,732,017,154	4,160,756,032	9,892,773,186
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			42,881,989,151
Tổng tài sản			160,223,896,655
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7,113,780,896		7,113,780,896
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			11,931,055,421
Tổng nợ phải trả			19,044,836,317

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và khu vực khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
Khu vực Hà Nội	8,201,057,919	17,380,134,015
Khu vực Hải Phòng, Quảng ninh	13,169,882,273	19,418,341,390
Khu vực Yên Bái	5,196,374,873	15,271,157,960
Khu vực Hải Dương	3,861,324,727	4,666,421,013
Khu vực Sơn la, Hòa Bình	14,078,390,000	16,308,237,500
Khu vực khác	11,405,628,554	9,748,394,822
Cộng	55,912,658,346	82,792,686,700

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro phải thu khách hàng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,093,127,258				23,093,127,258
Chứng khoán kinh doanh				592,716,610	592,716,610
Phải thu khách hàng	64,656,045,419			10,348,581,129	75,004,626,548
Các khoản phải thu khác	1,928,592,840			16,989,435,144	18,918,027,984
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	546,486,640			2,775,000,000	3,321,486,640
Cộng	90,224,252,157	-	-	30,705,732,883	120,929,985,040

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	14,772,941,685			14,772,941,685
Chứng khoán kinh doanh	270,844,410	154,438,000		425,282,410
Phải thu khách hàng	65,820,846,556			65,820,846,556
Các khoản phải thu khác	1,016,263,977	21,135,643,731		22,151,907,708
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5,266,486,640	4,775,000,000		10,041,486,640
Cộng	87,147,383,268	-	-	26,065,081,731
				113,212,464,999

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	3,010,149,135			3,010,149,135
Phải trả người bán	10,980,544,450			10,980,544,450
Các khoản phải trả khác				-
Cộng	13,990,693,585	-	-	13,990,693,585
Số đầu năm				
Vay và nợ	9,110,301,725			9,110,301,725
Phải trả người bán	7,113,780,896			7,113,780,896
Các khoản phải trả khác	48,203,555			48,203,555
Cộng	16,272,286,176	-	-	16,272,286,176

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD		USD	
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.06		1,644.73	
Phải thu khách hàng	65,935.17		30,505.29	
Vay và nợ	(132,111.00)		(404,183.75)	
Phải trả người bán			(84,410.42)	
Người mua trả tiền trước	(54,602.00)			
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(120,553.77)		(456,444.15)	

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000		12,000,000,000	
Vay và nợ		(132,111.00)		(404,183.75)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	20,000,000,000	(132,111.00)	12,000,000,000	(404,183.75)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản tài chính để vay Ngân hàng và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,093,127,258		14,772,941,685	
Chứng khoán kinh doanh	592,716,610	(143,794,610)	425,282,410	(84,438,000)
Phải thu khách hàng	75,004,626,548	(5,174,290,565)	65,820,846,556	
Các khoản phải thu khác	18,918,027,984	(10,916,974,963)	22,151,907,708	(9,428,974,963)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3,321,486,640	(2,775,000,000)	10,041,486,640	(4,775,000,000)
Cộng	120,929,985,040	(19,010,060,138)	113,212,464,999	(14,288,412,963)
<i>Nợ phải trả tài chính</i>				
Vay và nợ	3,010,149,135		9,110,301,725	
Phải trả người bán	10,980,544,450		7,113,780,896	
Các khoản phải trả khác			48,203,555	
Cộng	13,990,693,585	-	16,272,286,176	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi